

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG PHÚ THỌ**

Số: 13 /CV-XMPT

V/v: Giải trình chênh lệch LNST

Quý IV/2021 và năm 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Ba, ngày 15 tháng 01 năm 2022

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước.

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty CP xi măng Phú Thọ xin giải trình LNST lãi; có sự chênh lệch kỳ này và kỳ trước trong Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo Văn phòng Công ty quý IV/2021 và năm 2021 như sau:

I. Báo cáo tài chính tổng hợp:

1. Giải trình LNST lỗ và chênh lệch Quý IV/2021 và Quý IV/2020:

Chỉ tiêu	Quý IV/2021	Quý IV/2020	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	67.979	84.809	(16.830)	(19,84)
Các khoản giảm trừ	334	315	19	6,11
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	67.644	84.494	(16.850)	(19,94)
Giá vốn hàng bán	64.570	75.184	(10.615)	(14,12)
Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV	3.075	9.310	(6.235)	(66,97)
Doanh thu hoạt động tài chính	1.051,3	58,0	993,30	1.712,89
Chi phí tài chính	8.860	7.775	1.085	13,96
Chi phí bán hàng	819	984	(165)	(16,74)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.253	5.511	(258)	(4,68)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(10.807)	(4.903)	(5.904)	120,42
Thu nhập khác	-	2.650	(2.650)	-
Chi phí khác	147	348	(202)	-
Lợi nhuận khác	(147)	2.302	(2.448)	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(10.953)	(2.601)	(8.352)	321,14
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(10.953)	(2.601)	(8.352)	321,14

Lợi nhuận sau thuế quý IV/2021 của Công ty lỗ 10.953 triệu đồng tăng lỗ 8.352 triệu đồng so với quý IV/2020 (lỗ 2.601 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ quý IV/2021 là: 67.979 triệu đồng giảm so với quý IV/2020 (84.809 triệu đồng) là: 19,84% tương ứng với 16.830 triệu đồng. Sản lượng tiêu thụ của quý IV/2021 là: 79.270,57 tấn xi măng các loại giảm so với quý IV/2020 (98.314,59 tấn) tương đương giảm 19,37 %. Giá vốn hàng bán giảm từ 75.184 triệu đồng của quý IV/2020 xuống còn 64.570 triệu đồng quý IV/2021(giảm 14,12 % tương ứng giảm 10.615 triệu đồng. Từ tháng 10/2021 giá một số loại nguyên vật liệu tăng cao như; giá than cám là: 2.282.574 đồng/ tấn tăng 432.574 đồng/ tấn; giá dầu diezen là: 17.345 đồng/lít tăng 6.954 đồng/lít ; giá gas là: 570.000 đồng/ bình tăng 220.000 đồng/ bình so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, do nhu cầu cùng với sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường tình hình tiêu thụ xi măng gặp nhiều khó khăn. Từ những yếu tố trên làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của quý IV/2021 chỉ tăng 6.235 triệu đồng.

+ Cuối năm 2020, Công ty đã đưa vào sử dụng hệ thống băng tải xi măng xuất thẳng đã tiết kiệm được một phần chi phí vận chuyển bốc xếp. Chi phí bán hàng của quý IV/2021 là: 819 triệu đồng giảm 165 triệu đồng so với quý IV/2020(984 triệu đồng). Chi phí quản lý doanh nghiệp của quý IV/2021(5.253 triệu đồng) giảm 258 triệu đồng so với quý IV/2020 (5.511 triệu đồng). Chi phí tài chính tăng 1.085 triệu đồng. Từ các yếu tố trên, làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của quý IV/2021 giảm so với quý IV/2020 là: 5.904 triệu đồng.

+ Lợi nhuận khác giảm 2.448 triệu đồng làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế quý IV/2021 giảm 8.352 triệu đồng so với quý IV/2020.

2. Giải trình LNST lỗ và chênh lệch năm 2021 và năm 2020:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	274.644	265.093	9.551	3,60
Các khoản giảm trừ	565	867	(301)	(34,76)
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	274.079	264.227	9.852	3,73
Giá vốn hàng bán	248.253	250.599	(2.346)	(0,94)
Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV	25.825	13.628	12.198	89,51
Doanh thu hoạt động tài chính	1.052	58,9	993,12	1.686,41
Chi phí tài chính	29.974	26.151	3.823	14,62
Chi phí bán hàng	3.115	6.087	(2.972)	(48,82)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.415	16.450	2.965	18,02
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(25.627)	(35.002)	9.375	(26,78)
Thu nhập khác	3	2.686	(2.682)	(99,88)
Chi phí khác	303	348	(45)	-
Lợi nhuận khác	(300)	2.337	(2.637)	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(25.927)	(32.665)	6.738	(20,63)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(25.927)	(32.665)	6.738	(20,63)

Lợi nhuận sau thuế năm 2021 của Công ty lỗ 25.927 triệu đồng giảm lỗ 6.738 triệu đồng so với năm 2020 (lỗ 32.665 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ năm 2021 là: 274.644 triệu đồng tăng so với năm 2020 (265.093 triệu đồng) là: 3,6% tương ứng với 9.551 triệu đồng. Sản lượng tiêu thụ của năm 2021 là: 322.038,81 tấn xi măng các loại tăng so với năm 2020 (298.697,58 tấn) tương đương tăng 7,81 %. Giá vốn hàng bán giảm từ 250.599 triệu đồng của năm 2020 xuống còn 248.253 triệu đồng năm 2021(giảm 0,94 % tương ứng giảm 2.346 triệu đồng). Từ tháng 10/2021 giá một số loại nguyên vật liệu tăng cao như; giá than cám là: 2.282.574 đồng/ tấn tăng 432.574 đồng/ tấn; giá dầu diezen là: 17.345 đồng/lít tăng 6.954 đồng/lít ; giá gas là: 570.000 đồng/ bình tăng 220.000 đồng/ bình so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, do nhu cầu cùng với sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường tình hình tiêu thụ xi măng gặp nhiều khó khăn. Từ những yếu tố trên làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của năm 2021 chỉ tăng 12.198 triệu đồng.

+ Cuối năm 2020, Công ty đã đưa vào sử dụng hệ thống băng tải xi măng xuất thẳng đã tiết kiệm được một phần chi phí vận chuyển bốc xếp. Chi phí bán hàng của năm 2021 là: 3.115 triệu đồng giảm 2.972 triệu đồng so với năm 2020(6.087 triệu đồng). Chi phí quản lý doanh nghiệp của năm 2021 (19.415 triệu đồng) tăng 2.965 triệu đồng so với năm 2020 (16.450 triệu đồng). Chi phí tài chính tăng 3.823 triệu đồng. Từ các yếu tố trên, làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của năm 2021 tăng so với năm 2020 là: 9.375 triệu đồng.

+ Lợi nhuận khác giảm 2.637 triệu đồng làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2021 tăng 6.738 triệu đồng so với năm 2020.

II. Báo cáo tài chính văn phòng Công ty:

I. Giải trình LNST lỗ và chênh lệch Quý IV/2021 và Quý IV/2020:

Chi tiêu	Quý IV/2021	Quý IV/2020	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	67.979	84.809	(16.830)	(19,84)
Các khoản giảm trừ	334	315	19	6,11
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	67.644	84.494	(16.850)	(19,94)
Giá vốn hàng bán	64.570	75.184	(10.615)	(14,12)
Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV	3.075	9.310	(6.235)	(66,97)
Doanh thu hoạt động tài chính	1.051,3	58,0	993,30	1.712,89
Chi phí tài chính	8.860	7.775	1.085	13,96
Chi phí bán hàng	819	984	(165)	(16,74)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.253	5.511	(258)	(4,68)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(10.807)	(4.903)	(5.904)	120,42
Thu nhập khác	-	2.650	(2.650)	-
Chi phí khác	147	348	(202)	-
Lợi nhuận khác	(147)	2.302	(2.448)	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(10.953)	(2.601)	(8.352)	321,14
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(10.953)	(2.601)	(8.352)	321,14

Lợi nhuận sau thuế quý IV/2021 của Công ty lỗ 10.953 triệu đồng tăng lỗ 8.352 triệu đồng so với quý IV/2020 (lỗ 2.601 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ quý IV/2021 là: 67.979 triệu đồng giảm so với quý IV/2020 (84.809 triệu đồng) là: 19,84% tương ứng với 16.830 triệu đồng. Sản lượng tiêu thụ của quý IV/2021 là: 79.270,57 tấn xi măng các loại giảm so với quý IV/2020 (98.314,59 tấn) tương đương giảm 19,37%. Giá vốn hàng bán giảm từ 75.184 triệu đồng của quý IV/2020 xuống còn 64.570 triệu đồng quý IV/2021 (giảm 14,12% tương ứng giảm 10.615 triệu đồng). Từ tháng 10/2021 giá một số loại nguyên vật liệu tăng cao như; giá than cám là: 2.282.574 đồng/ tấn tăng 432.574 đồng/ tấn; giá dầu diezen là: 17.345 đồng/lít tăng 6.954 đồng/lít; giá gas là: 570.000 đồng/ bình tăng 220.000 đồng/ bình so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, do nhu cầu cùng với sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường tình hình tiêu thụ xi măng gặp nhiều khó khăn. Từ những yếu tố trên làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của quý IV/2021 chỉ tăng 6.235 triệu đồng.

+ Cuối năm 2020, Công ty đã đưa vào sử dụng hệ thống băng tải xi măng xuất thẳng đã tiết kiệm được một phần chi phí vận chuyển bốc xếp. Chi phí bán hàng của quý IV/2021 là: 819 triệu đồng giảm 165 triệu đồng so với quý IV/2020(984 triệu đồng). Chi phí quản lý doanh nghiệp của quý IV/2021(5.253 triệu đồng) giảm 258 triệu đồng so với quý IV/2020 (5.511 triệu đồng). Chi phí tài chính tăng 1.085 triệu đồng. Từ các yếu tố trên, làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của quý IV/2021 giảm so với quý IV/2020 là: 5.904 triệu đồng.

+ Lợi nhuận khác giảm 2.448 triệu đồng làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế quý IV/2021 giảm 8.352 triệu đồng so với quý IV/2020.

2. Giải trình LNST lỗ và chênh lệch năm 2021 và năm 2020:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	274.644	265.093	9.551	3,60
Các khoản giảm trừ	565	867	(301)	(34,76)
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	274.079	264.227	9.852	3,73
Giá vốn hàng bán	248.253	250.599	(2.346)	(0,94)
Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV	25.825	13.628	12.198	89,51
Doanh thu hoạt động tài chính	1.052	58,9	993,12	1.686,41
Chi phí tài chính	29.974	26.151	3.823	14,62
Chi phí bán hàng	3.115	6.087	(2.972)	(48,82)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.415	16.450	2.965	18,02
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(25.627)	(35.002)	9.375	(26,78)
Thu nhập khác	3	2.686	(2.682)	(99,88)
Chi phí khác	303	348	(45)	-
Lợi nhuận khác	(300)	2.337	(2.637)	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(25.927)	(32.665)	6.738	(20,63)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(25.927)	(32.665)	6.738	(20,63)

Lợi nhuận sau thuế năm 2021 của Công ty lỗ 25.927 triệu đồng giảm lỗ 6.738 triệu đồng so với năm 2020 (lỗ 32.665 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ năm 2021 là: 274.644 triệu đồng tăng so với năm 2020 (265.093 triệu đồng) là: 3,6% tương ứng với 9.551 triệu đồng. Sản lượng tiêu thụ của năm 2021 là: 322.038,81 tấn xi măng các loại tăng so với năm 2020 (298.697,58 tấn) tương đương tăng 7,81 %. Giá vốn hàng bán giảm từ 250.599 triệu đồng của năm 2020 xuống còn 248.253 triệu đồng năm 2021(giảm 0,94 % tương ứng giảm 2.346 triệu đồng). Từ tháng 10/2021 giá một số loại nguyên

vật liệu tăng cao như; giá than cám là: 2.282.574 đồng/ tấn tăng 432.574 đồng/ tấn; giá dầu diezen là: 17.345 đồng/lít tăng 6.954 đồng/lít ; giá gas là: 570.000 đồng/ bình tăng 220.000 đồng/ bình so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, do nhu cầu cùng với sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường tình hình tiêu thụ xi măng gặp nhiều khó khăn. Từ những yếu tố trên làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của năm 2021 chỉ tăng 12.198 triệu đồng.

+ Cuối năm 2020, Công ty đã đưa vào sử dụng hệ thống băng tải xi măng xuất thẳng đã tiết kiệm được một phần chi phí vận chuyển bốc xếp. Chi phí bán hàng của năm 2021 là: 3.115 triệu đồng giảm 2.972 triệu đồng so với năm 2020(6.087 triệu đồng). Chi phí quản lý doanh nghiệp của năm 2021 (19.415 triệu đồng) tăng 2.965 triệu đồng so với năm 2020 (16.450 triệu đồng). Chi phí tài chính tăng 3.823 triệu đồng. Từ các yếu tố trên, làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của năm 2021 tăng so với năm 2020 là: 9.375 triệu đồng.

+ Lợi nhuận khác giảm 2.637 triệu đồng làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2021 tăng 6.738 triệu đồng so với năm 2020.

Trên đây là giải trình của Công ty CP xi măng Phú Thọ, đề nghị Ủy ban chứng khoán nhà nước; Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xem xét.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT (B/c);
- Ban Kiểm Soát(B/c);
- Lưu VP.

